

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

Số: 2125/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 19 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư khai thác mỏ đất san lấp Đồng Trỏ 1, xóm Đồng Trỏ, xã Đồng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư khai thác mỏ đất san lấp Đồng Trỏ 1, xóm Đồng Trỏ, xã Đồng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An và Văn bản số 28/CV-ĐTM ngày 29/7/2024 của Công ty TNHH Xây dựng Long Thành về việc rà soát, hoàn thiện, đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 5590/STNMT-BVMT ngày 09/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư khai thác mỏ đất san lấp Đồng Trỏ 1, xóm Đồng Trỏ, xã Đồng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, (sau đây gọi tắt là Dự án) do Công ty TNHH Xây dựng Long Thành (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Đồng Thành, huyện Yên Thành với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Yên Thành; Chủ tịch UBND xã Đồng Thành; Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng Long Thành và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT.NN(V)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đệ

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHAI THÁC MỎ ĐẤT SAN LẤP ĐỒNG TRỎ, XÓM ĐỒNG TRỎ 1, XÃ ĐỒNG THÀNH, HUYỆN YÊN THÀNH, TỈNH NGHỆ AN

*(kèm theo Quyết định số 2125/QĐ-UBND
ngày 19/8/2024 của UBND tỉnh Nghệ An)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đầu tư khai thác mỏ đất san lấp Đồng Trỏ 1, xóm Đồng Trỏ, xã Đồng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An;
- Địa điểm thực hiện: xã Đồng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An;
- Chủ dự án: Công ty TNHH Xây dựng Long Thành;
- Địa chỉ liên hệ: nhà ông Nguyễn Xuân Hà, xóm Đội Cung, xã Trung Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: dự án đã được UBND tỉnh Nghệ An chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 04/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày 04/01/2024; phê duyệt trữ lượng khoáng sản tại Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 với diện tích 9,98ha;

- Quy mô dự án:

+ Tổng diện tích đất sử dụng thực hiện dự án: 9,98ha. Các công trình phụ trợ nằm trong diện tích dự án, bao gồm: diện tích bãi thải 0,4ha; diện tích hồ lắng 0,02ha;

+ Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác (nguyên khối) là 1.470.325m³ đất; trữ lượng khai thác là: 1.425.749m³ đất.

- Công suất khai thác theo sản phẩm nguyên khai: năm thứ nhất hoàn thành các thủ tục pháp lý, giải phóng mặt bằng, thuê đất và xây dựng cơ bản mỏ; năm thứ 2 đến năm thứ 9 khai thác với công suất: 205.000m³ đất/năm; năm thứ 10 khai thác với công suất: 173.553m³ đất/năm;

- Thời gian hoạt động của dự án: 10 năm kể từ ngày cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

1.3. Công nghệ khai thác

- Công nghệ khai thác: sử dụng máy xúc thủy lực gàu ngược dung tích gàu 0,9 - 1,2m³, xúc đào trực tiếp và chất lên phương tiện vận chuyển ô tô ben tự đổ;

- Lựa chọn hệ thống khai thác: hệ thống khai thác lớp bằng, vận tải trực tiếp bằng ô tô;

- Trình tự khai thác: trình tự phát triển mỏ theo hướng Đông Nam - Tây Bắc, từ trên xuống dưới đến cosd +65m là dừng.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình

- Tuyến đường vận tải AB: chiều dài 535m, chiều rộng 8m;

- Bạt đỉnh xuống cosd +115m, tại điểm B phía Nam khai trường tạo mặt bằng khai thác đầu tiên với diện tích: 1.500m²; khối lượng đào: 5.000m³;

- Trạm cân: lắp đặt trạm cân xe nằm trong khu vực mỏ, tại vị trí công ra vào mỏ.

1.4.2. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

- Hệ thống mương đất thu gom nước mưa chảy tràn dọc theo đường vận chuyển nội mỏ: chiều dài 535m, chiều rộng mặt 1,0m; chiều rộng đáy 0,5m; chiều sâu 1,0m; 01 hồ lắng, kích thước: 20m x 10m x 2m; thể tích: 400m³; 01 bể tràn rửa xe có bể lắng tách dầu;

- 01 bãi lưu đất 0,4ha đắp bờ đê chắn bãi thải chiều dài 78m, chiều rộng chân đê 3m, chiều rộng mặt trên đê 1m, chiều cao đê 3m và 01 kho lưu giữ chất nguy hại diện tích 4m²;

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân: hợp đồng thuê nhà dân gần khu vực dự án để làm văn phòng điều hành, phục vụ sinh hoạt của công nhân; có đầy đủ công trình bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt, lưu giữ chất thải sinh hoạt theo quy định.

1.4.3. Các hoạt động của dự án

- Thi công mở tuyến đường vận tải AB: chiều dài 535m, chiều rộng đường 8m. Từ điểm A tại phía Bắc khai trường gần mốc 3, cosd cao +51m lên điểm B tại phía Nam khai trường cosd cao +115m;

- Bạt đỉnh xuống cosd +115m, tại điểm B phía Nam khai trường tạo mặt bằng khai thác đầu tiên với diện tích: 1.500m²; khối lượng đào: 5.000m³;

- Đào hệ thống mương thu gom nước mưa chảy tràn dọc theo đường vận chuyển nội mỏ: chiều dài 535m, chiều rộng mặt 1,0m; chiều rộng đáy 0,5m; chiều sâu 1,0m;

- Đào 01 hồ lắng thiết kế 2 ngăn bố trí ở dưới chân đường vận chuyển nội mỏ phía Bắc khu mỏ để lắng cặn xử lý nước mưa chảy tràn khai trường khu mỏ;

kích thước: 20m x 10m x 2m; thể tích: 400m³;

- Đắp đê chắn đảm bảo an toàn cho bãi thải lưu giữ đất phủ: chiều dài 185m, chiều rộng chân đê 3m, chiều rộng mặt trên đê 1m, chiều cao đê 2m;

- Hoạt động phát quang: khai thác đến đâu, tiến hành phát quang tới đó, phát quang dần trái;

- Hoạt động khai thác đất san lấp từ năm thứ 2 đến năm thứ 9 khai thác với công suất: 205.000m³ đất/năm; năm thứ 10 khai thác với công suất: 173.553m³ đất/năm;

- Hoạt động vận chuyên: thực hiện thỏa thuận sử dụng đường vận chuyên ngoại mở: chiều dài tuyến 350m do UBND xã Đồng Thành quản lý trước khi đầu nối vào tuyến ĐT.538 tại Km53 + 350 (phải tuyến) và các yêu cầu được UBND xã Đồng Thành chấp thuận tại Công văn số 32/UBND ngày 24/4/2024.

- Hoạt động của các hạng mục công trình phục vụ cải tạo, phục hồi môi trường.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn xây dựng

- Quá trình xây dựng cơ bản làm phát sinh khối lượng thực bì phát quang, nước mưa chảy tràn, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung và phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại;

- Các rủi ro, sự cố trong quá trình thi công xây dựng cơ bản mở: sự cố cháy nổ, sự cố sạt trượt lở đất, sự cố tai nạn lao động, sự cố do thời tiết thiên tai.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động thu dọn sinh khối, đào, xúc bốc khai thác đất san lấp làm phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại;

- Hoạt động vận chuyên đất phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí khu vực dự án và tuyến đường vận chuyên;

- Các rủi ro, sự cố liên quan tới hoạt động khai thác, vận hành các hạng mục, công trình xử lý môi trường: sự cố tai nạn lao động, sự cố trượt lở đất, bồi lắng, sự cố do thiên tai, thời tiết khí hậu, sự cố cháy rừng, vỡ hồ lắng.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a. Giai đoạn xây dựng:

- Nước mưa chảy tràn: phát sinh lớn nhất khoảng $320\text{m}^3/\text{ngày đêm}$; thành phần chủ yếu nước mưa chảy tràn cuốn theo chất rắn lơ lửng trên bề mặt, đất, cát,..

- Nước thải vệ sinh xe: phát sinh khoảng $02\text{m}^3/\text{ngày}$; thành phần chứa nhiều chất rắn lơ lửng như đất, cát....

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh khoảng $0,72\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$; thành phần chủ yếu gồm các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh.

b. Giai đoạn vận hành:

- Nước mưa chảy tràn: phát sinh lớn nhất khoảng $2.355\text{m}^3/\text{ngày đêm}$; thành phần chủ yếu nước mưa chảy tràn cuốn theo chất rắn lơ lửng trên bề mặt, đất, cát...

- Nước thải vệ sinh xe: phát sinh khoảng $02\text{m}^3/\text{ngày}$; thành phần chứa nhiều chất rắn lơ lửng như đất, cát....

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh tối đa khoảng $0,72\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$; thành phần chủ yếu gồm các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn xây dựng: bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng, đào đắp, san gạt, hoạt động của máy móc, phương tiện vận tải sử dụng dầu diesel; thành phần chủ yếu gồm bụi, SO_2 , NO_x , CO, VOC,...

- Giai đoạn vận hành: bụi, khí thải phát sinh do hoạt động khai thác, quá trình xúc bốc và vận chuyển đất san lấp; hoạt động của máy móc, phương tiện sử dụng dầu diesel, thành phần chủ yếu gồm bụi, SO_2 , NO_x , CO, VOC,....

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn

a. Giai đoạn xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt: khối lượng phát sinh khoảng 2,1kg/ngày; thành phần gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (có nguồn gốc từ nhựa, kim loại như vỏ chai, vỏ lon nước uống); chất thải rắn thực phẩm (vỏ củ quả, thức ăn thừa,...) và chất thải rắn sinh hoạt khác (mảnh sành, mảnh vỡ thủy tinh, hộp xốp, ...);

- Chất thải rắn thông thường: chất thải rắn phát quang phát sinh khối lượng khoảng 68m³, thành phần chủ yếu cây bụi, cỏ dại, thân, cành lá cây; khối lượng đất bóc phủ: 2.370m³ thành phần gồm đất phong hóa (sét, bột cát lẫn dăm sạn), rễ cây, mùn thực vật; khối lượng đất phát sinh từ hoạt động đào thi công các công trình đường vận chuyển, bạt đỉnh tạo mặt bằng khai thác đầu tiên, mương thoát nước, hồ lắng: 13.780m³.

b. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt: khối lượng phát sinh khoảng 2,1kg/ngày; thành phần gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (có nguồn gốc từ nhựa, kim loại như vỏ chai, vỏ lon nước uống); chất thải rắn thực phẩm (vỏ củ quả, thức ăn thừa,...) và chất thải rắn sinh hoạt khác (mảnh sành, mảnh vỡ thủy tinh, hộp xốp, ...);

- Chất thải rắn thông thường: chất thải rắn phát quang phát sinh khối lượng khoảng 930m³, thành phần chủ yếu cây bụi, cỏ dại, thân, cành lá cây; khối lượng đất bóc phủ: 31.160m³ thành phần gồm đất phong hóa (sét, bột cát lẫn dăm sạn), rễ cây, mùn thực vật; bùn nạo vét hồ lắng khoảng 40m³ bùn/lần, thành phần chủ yếu là hạt mịn.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn xây dựng: phát sinh từ hoạt động của công nhân và máy móc thi công, khối lượng khoảng 14,4kg/năm; thành phần gồm giẻ lau dính dầu mỡ, pin, mực đã qua sử dụng, bóng đèn neon hỏng,...;

- Giai đoạn vận hành: phát sinh từ hoạt động của công nhân và máy móc khai thác, khối lượng khoảng 14,4kg/năm; thành phần gồm giẻ lau dính dầu mỡ, pin, mực đã qua sử dụng, bóng đèn neon hỏng,....

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn xây dựng: tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công;

- Giai đoạn vận hành: tiếng ồn và độ rung phát sinh từ thiết bị khai thác, bốc xúc và phương tiện vận chuyển.

3.4. Các tác động khác

- Tác động đến môi trường của việc chiếm dụng đất, giải phóng mặt bằng: dự án thực hiện thu hồi, chuyển nhượng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng với tổng diện tích 9,98ha;

- Tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái trong khu vực: hoạt động đào xúc khai thác đất làm biến dạng địa hình đồi núi ban đầu, cảnh quan thay đổi;

- Tác động đến môi trường kinh tế - xã hội: đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng san lấp, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, tăng tỉ trọng công nghiệp địa phương, tăng nguồn thu ngân sách tỉnh qua các loại thuế; việc tập trung công nhân tại mỏ gây xáo trộn, mâu thuẫn, mất trật tự an ninh xã hội;

- Các rủi ro, sự cố có thể xảy ra: sự cố sạt lở đất, xói mòn, bồi lấp đất, sự cố tai nạn lao động, sự cố do thiên tai thời tiết, sự cố cháy rừng, vỡ hồ lắng,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a. Giai đoạn xây dựng

- Nước mưa chảy tràn: thu gom bởi hệ thống mương đất dọc theo đường vận chuyển nội mỏ: chiều dài 535m, chiều rộng mặt 1,0m; chiều rộng đáy 0,5m; chiều sâu 1,0m chảy về hồ lắng bằng đất phía Bắc sát chân đường nội mỏ được xây dựng để thu gom, lắng cặn xử lý nước mưa chảy tràn khai trường thi công; kích thước: 20m x 10m x 2m; thể tích hồ lắng: 400m³, nước mưa chảy tràn sau khi xử lý bởi hồ lắng theo mương đất dọc theo đường vào mỏ phía Bắc và cống thoát nước qua đường tỉnh 538 chảy ra nguồn tiếp nhận Hồ 32, cách khu mỏ khoảng 130m về phía Đông Nam;

- Nước thải từ quá trình rửa xe: tổng lưu lượng phát sinh khoảng 02 m³/ngày được thu gom qua bể lắng xử lý váng dầu và lắng cặn rồi tuần hoàn tái sử dụng cho hệ thống rửa xe, không xả phát thải ra ngoài môi trường;

- Đối với nước thải sinh hoạt: hợp đồng thuê nhà dân gần khu vực dự án làm văn phòng điều hành, có đầy đủ công trình bể tự hoại 3 ngăn, kích thước 4m³ để xử lý nước thải sinh hoạt.

b. Giai đoạn vận hành:

Tiếp tục sử dụng các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải ở giai đoạn xây dựng.

* Yêu cầu bảo vệ môi trường:

- Thu gom, lắng lọc các cặn bẩn lẫn trong nước mưa chảy tràn, xử lý nước thải đảm bảo, không làm ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước mưa và hệ sinh thái khu vực trong quá trình thi công xây dựng và vận hành các hạng mục công trình của dự án. Định kỳ nạo vét các mương thu gom và hồ lắng;

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu ngập úng do việc thực hiện dự án; đảm bảo tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh dự án.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a. Giai đoạn xây dựng

- Không bốc xúc khi có gió lớn, sử dụng bạt che phủ kín thùng xe khi vận chuyển, không vận chuyển quá trọng tải thiết kế của xe tránh rơi vãi, phát tán bụi;

- Xây dựng hệ thống bẫy tràn rửa xe tại công ra vào mỏ; kết cấu bằng bê tông xi măng: chiều dài 12m, chiều rộng 6m, chiều sâu 0,3m(có bể lắng tách dầu); lắp đặt hệ thống bơm, vòi xịt, đường ống để xịt rửa sạch thành xe, bánh xe trước khi ra khỏi mỏ;

- Thường xuyên phun ẩm tối thiểu 02 lần/ngày (trừ những ngày mưa), tăng cường tần suất vào mùa khô tại các khu vực khai trường, đường vận chuyển từ trung tâm khai trường ra tới đường ĐT.538.

b. Giai đoạn vận hành

- Sử dụng bạt che kín các thùng xe khi vận chuyển, không vận chuyển quá trọng tải thiết kế của xe;

- Sử dụng xe được đăng kiểm; bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên các máy thi công và phương tiện vận tải làm việc trong mỏ;

- Thường xuyên phun ẩm tối thiểu 02 lần/ngày (trừ những ngày mưa), tăng cường tần suất vào mùa khô tại các khu vực khai trường, đường vận chuyển từ trung tâm khai trường ra tới đường ĐT.538;

- Tại khu vực dự án bố trí bể tràn rửa xe tại khu vực công ra vào mỏ để hạn chế đất và bụi bị bánh xe cuốn theo ra khỏi khu vực mỏ.

* Yêu cầu bảo vệ môi trường:

Thực hiện và giám sát các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn vận hành của dự án.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải sinh hoạt

a. Giai đoạn xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được phân loại, thu gom vào 03 thùng composites có nắp đậy, dung tích 50 lít, có màu khác nhau để phân loại rác tại nguồn, dán nhãn chất thải sinh hoạt trên nắp thùng đựng chất thải sinh hoạt, bố trí tại khu vực nhà văn phòng thuê và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định;

- Sinh khối phát quang: phần sinh khối (cây dại, lá, rễ cây, thảm thực vật) không tận dụng được thu gom, hợp đồng với đơn vị xử lý theo quy định;

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: khối lượng đất đào phát sinh được tận dụng để đắp đê chắn bãi thải và tận dụng đắp trở lại tại chỗ các công trình cần đắp đắp, đất bóc phủ thu gom về bãi lưu đất bố trí trong mỏ với diện tích 0,4ha.

b. Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được phân loại, thu gom vào 03 thùng composites có nắp đậy, dung tích 50 lít, có màu khác nhau để phân loại rác tại nguồn, dán nhãn chất thải sinh hoạt trên nắp thùng đựng chất thải sinh hoạt, bố trí tại khu vực nhà văn phòng thuê và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định;

- Sinh khối phát quang: phần sinh khối (cây dại, lá, rễ cây, thảm thực vật) không tận dụng được thu gom, hợp đồng với đơn vị xử lý theo quy định;

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: đất mặt bóc phủ và bùn nạo vét hồ lắng tập kết tại bãi lưu giữ đất trong mỏ, diện tích 0,4ha; chiều cao tối đa lưu giữ tầng đất phủ là 5m. Khối lượng đất phủ lưu giữ tại bãi thải đồng thời được sử dụng hoàn thổ cải tạo phục hồi môi trường cuốn chiếu khu vực kết thúc khai thác

từ trên xuống dưới (khai thác kết thúc đến đâu cải tạo phục hồi môi trường đến đó).

*** Yêu cầu bảo vệ môi trường:**

Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ sinh khối thảm thực vật, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Giai đoạn xây dựng:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công của dự án được phân loại, thu gom vào 3 thùng composites dung tích 100 lít có nắp đậy, dán mã chất thải nguy hại trên nắp thùng bố trí tại kho thải nguy hại diện tích 4m² bố trí trong mỏ gần khu vực bãi thải. Thùng đựng chất thải nguy hại có nắp đậy kín, dán nhãn phân loại theo đúng quy định; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động khai thác của dự án được phân loại, thu gom vào 3 thùng composites dung tích 100 lít có nắp đậy, dán mã chất thải nguy hại trên nắp thùng bố trí tại kho thải nguy hại diện tích 4m² bố trí trong mỏ gần khu vực bãi thải. Thùng đựng chất thải nguy hại có nắp đậy kín, dán nhãn phân loại theo đúng quy định; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

*** Yêu cầu bảo vệ môi trường:**

Thu gom chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn xây dựng

- Sử dụng các thiết bị thi công đạt kiểm định chất lượng theo yêu cầu; ưu tiên sử dụng các thiết bị có mức rung thấp; các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, trang bị bảo hộ cho người lao động;

- Bố trí thời gian khai thác và vận chuyển hợp lý (sáng từ 7 giờ - 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ), hạn chế tập trung các thiết bị làm việc cùng lúc tại công trường.

4.3.2. Giai đoạn vận hành

- Định kỳ bảo dưỡng thiết bị làm việc tại mỏ, trang bị bảo hộ cho người lao động;

- Tuân thủ thời gian làm việc theo quy định; hạn chế nổ máy trong thời gian chờ bốc xúc.

* Yêu cầu bảo vệ môi trường: tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản

4.4.1.1. Diện tích thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng diện tích của dự án là 99.800m²; khi kết thúc khai thác hiện trạng cụ thể như sau:

- + Diện tích sườn tầng và đai bảo vệ để lại sau khi kết thúc khai thác là: 22.333m². Tổng chiều dài đai bảo vệ: 1.271m, trong đó chiều dài biên giới khai thác cần lập biển báo và hàng rào dây thép gai là: 415m. Diện tích đai bảo vệ cần cải tạo phục hồi môi trường: 2.542m²;

- + Đáy mỏ khi kết thúc khai thác có tổng diện tích: 73.267m². Trong đó: đáy mỏ sau khi kết thúc khai thác là nền đá cứng chắc diện tích là 48.944m²; đáy mỏ kết thúc khai thác là nền đất phong hóa có diện tích là: 24.323m²;

- + Bãi thải trong mỏ: 4.000m²;

- + Hồ lắng trong mỏ: 200m².

- Tuyến đường vận chuyển ngoại mỏ: chiều dài khoảng 350m, chiều rộng đường 4m.

4.4.1.2. Giải pháp cải tạo phục hồi môi trường

- Khu vực khai trường khi kết thúc khai thác: lập biển báo nguy hiểm, hàng rào thép gai dọc theo ranh giới sườn tầng tạo độ cao; đổ đất màu dày 0,3m; trồng

cây Keo lá tràm trên đai bảo vệ với mật độ 1.660 cây/ha (trồng dặm năm đầu 10%); đổ đất màu dày 0,7m trên diện tích đáy mỏ kết thúc là nền đá, đổ đất màu dày 0,3m trên diện tích đáy mỏ kết thúc là nền đất; trồng cây Keo lá tràm trên diện tích khu vực đáy mỏ với mật độ 1.660 cây/ha (trồng dặm năm đầu 10%); tạo hệ thống mương thoát nước cho đáy mỏ; tháo dỡ các công trình không sử dụng. Thời điểm thực hiện: kết thúc khai thác đến đâu, cải tạo phục hồi môi trường đến đó;

- Khu vực bãi thải: san gạt, trồng cây Keo lá tràm với mật độ 1.660 cây/ha (trồng dặm năm đầu 10%);

- Khu vực hồ lắng: san gạt lấp hồ lắng, trồng cây Keo lá tràm với mật độ 1.660 cây/ha (trồng dặm năm đầu 10%);

- Các công trình phụ trợ: tháo dỡ hệ thống cấp điện, hệ thống bẫy tràn rửa xe, trạm cân, kho chất thải nguy hại;

- Khu vực nhà văn phòng: bàn giao trả lại khu vực nhà văn phòng đã thuê theo hợp đồng với nhà dân;

- Khu vực xung quanh bị thiệt hại do hoạt động khai thác: cải tạo đoạn đường vận chuyển từ mỏ ra tới điểm giao đường tỉnh 538, chiều dài khoảng 350m, chiều rộng đường 4m.

Tổng hợp các nội dung, khối lượng công tác cải tạo, phục hồi môi trường

STT	Hạng mục công việc cải tạo, phục hồi môi trường	Đơn vị	Khối lượng
I	Khai trường khi kết thúc khai thác		
a	Lập biển báo nguy hiểm, hàng rào thép gai trên ranh giới mỏ có sườn tầng tạo độ cao		
1	Lập biển báo nguy hiểm	Cái	5
2	Lập hàng rào thép gai	m ²	415
b	Cải tạo phục hồi môi trường trên diện tích đai bảo vệ		
3	Khối lượng đất màu mua phủ trên diện tích đai bảo vệ	m ³	763
4	San gạt đất màu phủ trên diện tích đai bảo vệ	m ³	763
5	Trồng cây keo lá tràm mật độ trồng 1.660 cây/ha, mật độ trồng dặm năm đầu 10% và chăm sóc trong 03 năm trên diện tích đai bảo vệ	ha	0,25

c	Cải tạo phục hồi môi trường trên diện tích đáy mỏ		
5	Khối lượng đất màu phủ bề mặt đáy mỏ để trồng cây	m ³	11.381
6	San gạt đất màu phủ trên diện tích đáy mỏ	m ³	41.558
7	Trồng cây keo lá tràm mật độ trồng 1.660 cây/ha, mật độ trồng dặm năm đầu 10% và chăm sóc trong 03 năm trên diện tích đáy mỏ	ha	7,33
d	Tạo hệ thống mương thoát nước mưa khu vực đáy mỏ	m ³	2,54
e	Cải tạo hồ lắng		
9	San gạt lấp hồ lắng	m ³	400
10	Trồng cây keo lá tràm mật độ trồng 1.660 cây/ha, mật độ trồng dặm năm đầu 10% và chăm sóc trong 03 năm trên diện tích hồ lắng	ha	0,02
f	Tháo dỡ các công trình không sử dụng		
11	Tháo dỡ tường tôn kho chất thải nguy hại	m ²	16
	Tháo dỡ cầu rửa xe		
	Phá dỡ kết cấu bê tông nền móng có cốt thép	m ³	2,88
	Đào san đất bằng máy đào 1,25m ³ - Cấp đất IV	m ³	96
13	Tháo dỡ trạm cân	Tấn	5
14	Tháo dỡ hệ thống cấp điện		
	<i>Tháo dỡ trạm điện</i>	trạm	1
	<i>Tháo dỡ hệ thống đường dây điện</i>	m	300
II	Cải tạo, phục hồi môi trường bãi thải		
15	San gạt bề mặt khu vực bãi thải	m ³	1.200
16	Trồng cây keo lá tràm mật độ trồng 1.660 cây/ha, mật độ trồng dặm năm đầu 10% và chăm sóc trong 03 năm trên diện tích bãi thải	ha	0,4
III	Khu vực phụ trợ phục vụ khai thác khoáng sản		

17	Bàn giao trả lại khu nhà văn phòng đã thuê của người dân theo hợp đồng		
IV	Khu vực xung quanh không thuộc diện tích được cấp phép của mỏ nhưng bị thiệt hại do các hoạt động khai thác khoáng sản		
18	Cải tạo đường vận chuyển	m ²	1.400

4.4.1.3. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng số tiền phải ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường Dự án là: 1.786.528.402 đồng (*Một tỷ bảy trăm tám mươi sáu triệu năm trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm linh hai đồng*);

- Số lần ký quỹ 10 lần, cụ thể:

+ Số tiền ký quỹ lần đầu: 357.305.680 đồng;

+ Từ lần thứ 2 đến lần thứ 10, mỗi lần ký quỹ với số tiền: 158.802.525 đồng.

(Số tiền nêu trên chưa tính đến yếu tố trượt giá, số tiền trượt giá hàng năm sẽ được Chủ dự án tự kê khai và nộp cùng số tiền ký quỹ hàng năm của dự án)

- Thời điểm: thực hiện ký quỹ lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ. Thực hiện ký quỹ từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ;

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường Nghệ An.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Biện pháp phòng ngừa sự cố xói mòn, sạt lở, bồi lắng

+ Thi công cắt tầng khai thác, đúng theo quy trình kỹ thuật, thiết kế khai thác đã được thẩm tra, khai thác từ trên xuống, từ giữa tầng ra xung quanh, tạo độ nghiêng về đường công vụ;

+ Phát quang dần trải theo từng đợt, khai thác tới đâu phát quang đến đó, không phát quang tràn lan;

+ Thiết kế hệ thống mương thu gom nước mưa chảy tràn khai trường; khu vực trung tâm khai trường khai thác tạo thành lòng chảo để tạo độ dốc thu gom toàn bộ nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất về hồ lắng để lắng cặn;

+ Thu gom toàn bộ nước mưa chảy tràn trên khai trường, thường xuyên kiểm tra, định kỳ nạo vét, khơi thông dòng chảy hệ thống mương dọc đường vận chuyển nội mỏ; nước mưa chảy tràn sau khi xử lý bởi hồ lắng theo mương đất

dọc theo đường vào mỏ phía Bắc và công thoát nước qua đường tỉnh 538 chảy ra nguồn tiếp nhận Hồ 32, cách khu mỏ khoảng 130m về phía Đông Nam;

+ Thường xuyên kiểm tra khai trường, bờ moong trước mùa mưa và sau những ngày mưa lớn;

+ Theo dõi mọi hiện tượng diễn biến về thời tiết trên các phương tiện thông tin đại chúng để có biện pháp di chuyển toàn bộ máy móc ra khỏi khu vực khai thác khi xảy ra mưa lũ, gió bão.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động:

+ Khai thác đúng kỹ thuật, thiết kế khai thác đã được thẩm tra;

+ Lập bảng nội quy an toàn lao động và đặt ở những khu vực dễ thấy, nhiều người qua lại... để mọi người biết và thực hiện;

+ Thực hiện đúng quy trình vận hành của từng loại máy móc thiết bị;

+ Trang bị đầy đủ và chất lượng đồ bảo hộ lao động và yêu cầu công nhân mang đầy đủ như: khẩu trang chống bụi, găng tay, kính bảo hộ, quần áo bảo hộ...

+ Trước ca làm việc cán bộ kỹ thuật, an toàn viên sẽ kiểm tra an toàn khu vực khai thác, đảm bảo an toàn mới cho công nhân làm việc;

+ Tất cả lao động làm việc tại dự án đều được tập huấn an toàn lao động theo đúng nghề nghiệp của mình và được khám sức khỏe định kỳ;

+ Tập kết máy, thiết bị đúng vị trí quy định sau giờ làm việc;

+ Các xe chở vật liệu khi vận chuyển cần phải tuân thủ luật giao thông.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố do thiên tai thời tiết khí hậu:

+ Theo dõi mọi hiện tượng diễn biến về thời tiết trên các phương tiện thông tin đại chúng để có kế hoạch phòng ngừa, đảm bảo an toàn;

+ Không khai thác vào những ngày thời tiết nắng nóng khắc nghiệt, thời tiết mưa, lũ, bão;

+ Phối hợp với lực lượng phòng chống thiên tai địa phương trong những lúc cần thiết;

+ Thường xuyên cập nhật thông tin về dự báo thời tiết để có kế hoạch phòng ngừa sự cố, đảm bảo an toàn;

+ Lập phương án phòng chống lụt bão, liên hệ địa phương để phối hợp ứng cứu khi có sự cố xảy ra.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy rừng:

+ Khối lượng phát quang phải được thu gom xử lý sinh theo quy định, những chất dễ cháy được thu dọn;

+ Lập bảng nội quy quy định về phòng cháy chữa cháy;

+ Lập bảng nhân lực, chức năng, nhiệm vụ ứng phó sự cố cháy rừng;

+ Thường xuyên tuyên truyền ý thức, trách nhiệm của toàn thể các bộ, công nhân thực hiện nghiêm chỉnh nội quy phòng chữa cháy;

+ Trong quá trình khai thác nếu công nhân vô ý để xảy ra cháy rừng trong việc sử dụng lửa thì cá nhân tự chịu trách nhiệm trước pháp luật;

+ Phối hợp chặt chẽ với công an địa phương đảm bảo an ninh trật tự;

+ Các số điện thoại của chính quyền địa phương xã, huyện được cập nhật và thông báo cho nhau biết để tiện liên lạc.

- Biện pháp phòng sự cố vỡ hồ lãng:

+ Tổ chức kiểm tra hồ lãng, trước và sau những ngày thời tiết mưa;

+ Lập hàng rào thép gai xung quanh hồ lãng để đề phòng sự cố cho con người và vật nuôi.

4.4.3. Các công trình biện pháp khác

- Biện pháp giảm thiểu tác động do chiếm dụng đất, giải phóng mặt bằng: phối hợp với các cơ quan chức năng và các hộ dân có đất bị thu hồi tiến hành thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật trước khi triển khai thực hiện Dự án;

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến kinh tế, xã hội: ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương; kết hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý địa phương nhằm đảm bảo an ninh, an toàn, trật tự; phổ biến các quy định hiện hành của pháp luật và phong tục tập quán của dân địa phương; có ý thức trách nhiệm khi sử dụng cơ sở hạ tầng;

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái: phát quang cuốn chiếu dần trải, khai thác đến đâu phát quang, giải phóng thu gom sinh khối đến đó, không phát quang tràn lan; phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý và bảo vệ rừng, bảo vệ hệ thực vật, điều kiện tự nhiên có sẵn.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

a. Giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng

- Giám sát sự cố môi trường:

+ Hiện tượng giám sát: xói mòn, trượt lở, bồi lắng;

+ Vị trí: toàn bộ khu vực mỏ;

+ Tần suất giám sát: hàng ngày.

- Giám sát khối lượng chất thải phát sinh: chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, việc thu gom xử lý sinh khối phát quang; lập sổ theo dõi tổng lượng chất thải của dự án khi có chất thải phát sinh.

b. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

- Giám sát sự cố môi trường:

+ Hiện tượng giám sát: xói mòn, trượt lở, bồi lắng;

+ Vị trí: toàn bộ khu vực mỏ;

+ Tần suất giám sát: hàng ngày.

- Giám sát khối lượng chất thải phát sinh: chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, việc thu gom xử lý sinh khối phát quang; lập sổ theo dõi tổng lượng chất thải của dự án khi có chất thải phát sinh.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

6.1. Chỉ được triển khai thực hiện Dự án khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất và giao đất, cho thuê đất theo quy định.

6.2. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động triển khai xây dựng và khai thác mỏ.

6.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ chính xác, tin cậy của toàn bộ dữ liệu, số liệu tính toán, đo đạc, các mốc tọa độ của dự án; chịu trách nhiệm về những thông tin, số liệu đã nêu trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

6.4. Chịu trách nhiệm về nội dung thiết kế cơ sở; chỉ được khai thác trên diện tích đất theo phạm vi, ranh giới đã được cấp thẩm quyền cho phép.

6.5. Tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, sự cố thiên tai.

6.6. Theo dõi, giám sát xói mòn, trượt lở đất, giám sát hệ thống thoát nước, giám sát an toàn công trình để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng sạt lở, khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

6.7. Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo phục hồi môi trường, chế độ thông tin báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định hiện hành.

6.8. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả. Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường, các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất; cập nhật, lưu giữ số liệu quan trắc, giám sát để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra khi cần thiết.

6.9. Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định (trừ các thông tin thuộc bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật) và cung cấp thông tin về môi trường theo quy định tại điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường.

6.10. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đã được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.11. Cam kết thực hiện các nội dung theo đã thỏa thuận, thống nhất với cộng đồng dân cư và UBND xã Đồng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An

6.12. Xây dựng, thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố chất thải; tổ chức ứng phó sự cố chất thải tại dự án và tham gia ứng phó sự cố chất thải theo sự chỉ huy của cơ quan, người có thẩm quyền.

6.13. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây sự cố môi trường./.